| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN<br>TỈNH TÂY NINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 25 /2025/NQ-HĐND | *Tây Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2025* |

# NGHỊ QUYẾT
## Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia, thúc đẩy các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;*

*Căn cứ Nghị định 265/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*

*Xét Tờ trình số 2385/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung và mức hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 627/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia, thúc đẩy các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.*

**Điều 1. Mục tiêu, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Mục tiêu**

a) Cụ thể hóa các nội dung về hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức có hoạt động đổi mới sáng tạo theo Điều 57 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ

trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

b) Thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức chủ động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

**2. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức tham gia, thúc đẩy các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

**3. Đối tượng áp dụng**

Doanh nghiệp, tổ chức có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh có hoạt động ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tiếp nhận và làm chủ công nghệ; mang lại giá trị gia tăng, hiệu quả kinh tế, năng lực cạnh tranh và tác động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo.

**Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

**1.** Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

**2.** Hoạt động được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoặc được tài trợ một phần từ ngân sách nhà nước thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo thì không được hỗ trợ theo Nghị quyết này.

**3.** Hình thức hỗ trợ dựa trên đánh giá kết quả đầu ra của doanh nghiệp, tổ chức thông qua Hội đồng xét duyệt và quyết định công nhận hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền. Trình tự, thủ tục thực hiện theo Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định 268/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ.

**4.** Các nội dung đề nghị hỗ trợ đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thì không được hỗ trợ theo Nghị quyết này.

**5.** Căn cứ nguồn lực ngân sách địa phương, cơ quan thực hiện hỗ trợ quyết định số lượng tổ chức, doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc: Doanh nghiệp, tổ chức nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được nhận trước và ưu tiên cho đối tượng được hỗ trợ lần đầu.

**Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ**

**1.** Hỗ trợ nhận chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu công nghệ (phí cấp phép, phí chuyển nhượng, phí đối với bí quyết công nghệ); kết quả nghiên cứu, giải pháp chuyển đổi số; mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ.

Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí thực hiện, không vượt quá 1 tỷ đồng cho một hoạt động. Trường hợp công nghệ được chuyển giao, kết quả nghiên cứu, giải pháp chuyển đổi số; mua thông tin về công nghệ, tài liệu thiết kế, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, phần mềm hỗ trợ thuộc danh mục công

nghệ cao, công nghệ ưu tiên phát triển, công nghệ thân thiện môi trường, công nghệ bán dẫn, công nghệ chiến lược hoặc có kèm theo đào tạo, làm chủ công nghệ, được hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí, không quá 2 tỷ đồng cho một hoạt động.

**2.** Hỗ trợ thuê, mua thiết bị kiểm tra, đo lường, kiểm soát chất lượng trong quá trình nâng cấp, hoàn thiện quy trình công nghệ, đưa công nghệ mới vào sản xuất, sản xuất thử nghiệm; sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp thực hiện dự án có nội dung sáng tạo công nghệ, tạo lập, khai thác, phát triển quyền sở hữu trí tuệ.

Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí thực hiện, không vượt quá 100 triệu đồng cho một hoạt động. Trường hợp thiết bị, tài sản hoặc cơ sở vật chất có hàm lượng công nghệ cao, tự động hóa, tích hợp số, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường hoặc phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu, sáng tạo và phát triển quyền sở hữu trí tuệ, được hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí, không quá 200 triệu đồng cho một hoạt động.

**3.** Hỗ trợ mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng phục vụ trực tiếp sản xuất thử nghiệm để hiệu chỉnh và hoàn thiện quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất (bao gồm cả sản xuất thử nghiệm loạt sản phẩm đầu tiên).

Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí thực hiện, không vượt quá 100 triệu đồng cho một hoạt động. Trường hợp sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện quy trình công nghệ mới, tạo sản phẩm mới có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, hoặc thuộc lĩnh vực công nghệ ưu tiên phát triển, công nghệ chiến lược được hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí, không quá 200 triệu đồng cho một hoạt động.

**4.** Hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí triển khai thử nghiệm đối với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của quốc gia do tổ chức thử nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế thực hiện; chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do cơ quan nhà nước chỉ định theo quy định của pháp luật; hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế; thử nghiệm, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế; áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hệ thống quản lý mới, hệ thống truy xuất nguồn gốc, thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh và sản xuất thông minh; đăng ký lưu hành sản phẩm, hàng hóa; thuê chuyên gia tư vấn về chuyển giao công nghệ, đàm phán hợp đồng chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lý, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, năng suất, chất lượng, đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thiết kế kiểu dáng công nghiệp; triển khai sử dụng dịch vụ mới, sản phẩm mới là kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nhiệm vụ thông qua thị trường. Định mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần cho một doanh nghiệp chi phí thử nghiệm và chứng nhận đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực là sản phẩn công nghệ chiến lược. Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 70% giá trị hợp đồng thử nghiệm và chứng nhận nhưng không quá 30 triệu đồng.

b) Hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

c) Hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm đối với hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp.

d) Hỗ trợ tối đa không quá 20 triệu đồng cho 1 tiêu chuẩn cơ sở được công bố đối với hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

đ) Hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng cho 1 tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý và tối đa không quá 50 triệu đồng đối với một công cụ cải tiến nâng cao năng suất đối với hợp đồng tư vấn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến nâng cao năng suất.

e) Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/giấy chứng nhận, công nhận đối với hợp đồng đánh giá chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nhận năng lực chứng nhận, công nhận năng lực phòng thử nghiệm phù hợp tiêu chuẩn.

g) Hỗ trợ tối đa nhưng không quá 20 triệu đồng/năm đối với chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, chi phí thực hiện chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng trên nhãn hàng đóng gói sẵn.

h) Hỗ trợ chi phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP), trong đó: Đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực: mức hỗ trợ tối đa không vượt quá 60 triệu đồng/01 TCVN có độ dày dưới 50 trang; đối với độ dày từ 50 trang trở lên thì mức hỗ trợ thêm được xác định như sau: đối với TCVN có độ dày dưới 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm tối đa 20 triệu đồng; đối với TCVN có độ dày trên 500 trang thì cứ mỗi 100 trang tiếp theo được hỗ trợ thêm tối đa 15 triệu đồng. Căn cứ thanh toán là TCVN được cấp có thẩm quyền công bố; QCVN, QCĐP được cấp có thẩm quyền ban hành; Đối với TCVN, QCVN, QCĐP được xây dựng mới, mức hỗ trợ được xác định theo khối lượng công việc thực tế phát sinh; tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi tiêu do nhà nước quy định và báo giá của nhà cung cấp đối với hạng mục thuê ngoài. Riêng với hạng mục xây dựng dự thảo TCVN, QCVN, QCĐP được xác định bằng 40% mức hỗ trợ đối với TCVN được xây dựng trên cơ sở hài hòa tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực.

i) Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/năm đối với chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

**5.** Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và ngoài nước về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới. Định mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/khoá/năm đối với chi phí tổ chức khóa đào tạo về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới.

b) Hỗ trợ tối đa không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/năm đối với chi phí đào tạo cho học viên khi tham gia các khóa đào tạo về chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới.

c) Hỗ trợ toàn bộ chi phí đăng ký và tham dự các khóa đào tạo do tổ chức nước ngoài thực hiện.

**6.** Hỗ trợ thiết kế công nghệ sản xuất, dây chuyền sản xuất; chuẩn hóa tài liệu kỹ thuật, công nghệ; tính toán thiết lập các thông số vận hành; thiết kế, chế tạo mẫu thử, khuôn mẫu, sản phẩm mới; thử nghiệm, kiểm nghiệm, đánh giá chất lượng sản phẩm; hiệu chỉnh công nghệ, dây chuyền sản xuất mới.

Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí thực hiện, không vượt quá 100 triệu đồng cho một hoạt động. Trường hợp hoạt động thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, hiệu chỉnh phục vụ phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, hoặc thuộc lĩnh vực công nghệ ưu tiên, công nghệ lõi, công nghệ bán dẫn, công nghệ chiến lược được hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí, không quá 200 triệu đồng cho một hoạt động.

**7.** Hỗ trợ triển khai sử dụng dịch vụ mới, sản phẩm mới là kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, tổ chức thực hiện nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nhiệm vụ thông qua thị trường.

Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí thực hiện, không vượt quá 200 triệu đồng cho một hoạt động. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ mới được ứng dụng công nghệ cao, có tiềm năng thương mại hóa lớn, đóng góp vào chuỗi cung ứng ngành hàng chủ lực hoặc thuộc lĩnh vực công nghệ ưu tiên, được hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí, không quá 400 triệu đồng cho một hoạt động.

**8.** Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất để phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 30% tổng mức đầu tư, không vượt quá 2 tỷ đồng cho một hoạt động. Trường hợp đầu tư trang thiết bị, máy móc, dây chuyền sản xuất có hàm lượng công nghệ cao, tự động hóa, tích hợp số, thân thiện môi trường hoặc phục vụ phát triển công nghệ lõi, công nghệ bán dẫn, công nghệ tiên tiến thuộc danh mục ưu tiên phát triển, công nghệ chiến lược, được hỗ trợ tối đa 30% tổng mức đầu tư, không quá 3 tỷ đồng cho một hoạt động.

**Điều 4. Nguồn kinh phí**

a) Ngân sách tỉnh đảm bảo hằng năm chi cho khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh, nguồn xã hội hóa, quỹ đầu tư mạo hiểm và các nguồn viện trợ, tài trợ hợp pháp khác.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

**1.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, hiệu quả.

**2.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**3.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 6. Điều khoản thi hành**

**1.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

**2.** Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.*

***Nơi nhận:***
- UBTV Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban công tác đại biểu - Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, KH-CN;
- Cục KT văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ KH-CN;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; VP. UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- TT. Công báo - Tin học (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT (TĐ).

**CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**Nguyễn Mạnh Hùng**